

Số : /2026/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý và bảo vệ đê điều
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các quyết định sau:

a) Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Các phụ lục II, IV Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định về phân cấp quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

c) Điều 4 và cụm từ “đê điều” tại các Điều, khoản của Quyết định và quy định kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và đê điều trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Công an tỉnh, Bộ

Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có công trình đi điều đi qua và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&MT;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TTUB. UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KTN, Trung tâm TTĐH;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Văn Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương II QUY ĐỊNH HÀNH LANG BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH ĐÊ ĐIỀU

Điều 3. Hành lang bảo vệ đê điều

1. Đê biển

a) Hành lang bảo vệ đối với đê biển đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 05m về phía đồng và phía sông hoặc phía biển.

b) Hành lang bảo vệ đối với trường hợp khác được tính từ chân đê trở ra 10m về phía đồng và phía sông hoặc phía biển.

2. Hành lang bảo vệ đê sông, đê bao được tính từ chân đê trở ra 05m về phía đồng và phía sông.

3. Hành lang bảo vệ cống qua đê (cống thuộc hệ thống đê sông, đê biển) được xác định từ giới hạn phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50 mét.

4. Hành lang bảo vệ đối với kè bảo vệ đê được tính từ phần xây đúc cuối cùng của kè trở ra mỗi phía 50 mét.

5. Đối với các trường hợp dự án đầu tư, công trình đê điều có thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, trong đó phạm vi giải phóng mặt bằng lớn hơn phạm vi

được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này thì hành lang bảo vệ được xác định theo phạm vi giải phóng mặt bằng đã thực hiện.

Điều 4. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê điều

1. Đối với các công trình đê điều đã được đưa vào khai thác, sử dụng: các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình theo quy định tại Điều 5 của Quy định này tổ chức rà soát, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê điều, lắp đặt biển báo, bảng cấm theo quy định.

2. Đối với các công trình đê điều đầu tư xây dựng mới, tu bổ, sửa chữa, nâng cấp, chủ đầu tư công trình phải thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định và bàn giao cho tổ chức, cá nhân được giao quản lý công trình để bảo vệ khi công trình đưa vào sử dụng.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý, bảo vệ đê điều

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đê điều trên địa bàn tỉnh, trực tiếp quản lý và bảo vệ công trình đê biển; kè bảo vệ đê biển; đê sông, đê bao liên xã, phường (theo danh mục tại phụ lục I kèm theo).

2. Các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh: Trực tiếp quản lý và bảo vệ các công trình cống dưới đê biển, đê sông, các công trình đê bao, kè bảo vệ đê sông liên xã, phường (theo danh mục tại phụ lục II kèm theo).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trực tiếp quản lý và bảo vệ các công trình đê sông, đê bao, bờ bao, kè bảo vệ bờ sông, kè bảo vệ bờ biển, các công trình đê, công trình dưới đê khác ngoài các công trình được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Các công trình đê điều được hình thành mới, căn cứ quy mô, loại công trình, phạm vi công trình, cấp có thẩm quyền sẽ bàn giao cho đơn vị quản lý, bảo vệ phù hợp tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và địa phương tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ các công trình đê điều được giao theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực đê điều, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều theo quy định. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và địa phương tăng cường công tác kiểm tra việc khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, nhất là việc khai thác khoáng sản trái phép gây mất an toàn đê điều.

d) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh theo quy định.

đ) Tổ chức thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ đê điều theo nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Điều 5 Quy định này; hướng dẫn các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê điều theo quy định.

e) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan thống nhất quản lý, bảo vệ, sử dụng, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp đê điều và hộ đê trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương rà soát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng đê điều trên địa bàn tỉnh để kịp thời khắc phục, sửa chữa và xử lý sự cố đê điều.

g) Hướng dẫn việc lập quy hoạch sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê, bãi sông theo quy định của pháp luật về đê điều và đất đai;

2. Sở Tài chính: Tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí hàng năm để đầu tư, nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình đê điều trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lập và quản lý quy hoạch xây dựng, bảo đảm phù hợp với quy hoạch đê điều; cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ các quy định về phạm vi bảo vệ và quy chuẩn kỹ thuật về đê điều; kiểm tra, xử lý, giải quyết các hoạt động xây dựng có liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan và địa phương trong việc xây dựng, cải tạo đê điều kết hợp làm đường giao thông, chịu trách nhiệm đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng và quản lý, khai thác hạng mục phần mặt đường xe chạy lưu thông trên đê khi được cấp thẩm quyền phân cấp quản lý, khai thác. Đồng thời, chuẩn bị phương tiện, vật tư dự phòng, bảo đảm an toàn giao thông phục vụ công tác hộ đê trong mùa mưa, bão tại các điểm xung yếu khi có lệnh điều động theo quy định.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan bảo đảm an ninh, trật tự khu vực đề xung yếu; kiểm tra, ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn đề điều và xử lý các vi phạm pháp luật về đề điều theo thẩm quyền; tổ chức lực lượng, phương tiện, phương án và triển khai lực lượng hộ đề, khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố về đề điều trên địa bàn tỉnh.

5. Các đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong việc kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm gây mất an toàn công dưới đề.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 13, Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, các quy định có liên quan, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các quy định có liên quan và Quy định này. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đề điều nhằm nâng cao ý thức và trách nhiệm, nghĩa vụ của người dân để không vi phạm pháp luật về đề điều.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, ngăn chặn kịp thời các hành vi lấn chiếm hành lang bảo vệ đề điều, bảo đảm an toàn đề điều, bảo vệ sản xuất, tài sản và tính mạng của người dân. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đề điều, các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ đề điều trên địa bàn quản lý, giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đề điều tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp xử lý khi công trình đề điều ở địa phương có nguy cơ xảy ra sự cố; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp đề điều trên địa bàn quản lý.

4. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình quản lý và bảo vệ đề điều trên địa bàn.

5. Có trách nhiệm bảo vệ các tuyến đề, cắm mốc chỉ giới, niêm yết nội quy, lắp đặt biển báo, bảng cấm cho từng tuyến đề do quản lý của địa phương; thực hiện tốt công tác quản lý đất đai trên địa bàn, rà soát, chỉnh lý biến động đất đai đặc biệt đối với các thửa đất tiếp giáp công trình đề điều theo đúng quy định; kiểm tra việc chấp hành Quy định này đối với các tổ chức, cá nhân tại địa phương mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

